

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC
VÀ HỢP TÁC

Số: 14 /BC-KHHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Phòng Kế hoạch – Tài chính
- Phòng Quản lý Đào tạo
- Phòng Tổ chức – Hành chính

Căn cứ vào Thông tư số 47/2014/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; căn cứ vào Quyết định số 470/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Học viện Chính sách và Phát triển. Trên cơ sở báo cáo của các Khoa, Bộ môn và các cá nhân trong Học viện, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác đã hoàn thành việc tính giờ NCKH của các cán bộ, giảng viên trong năm học 2018-2019 (có bảng kê kèm theo), nay xin gửi tới các phòng ban có liên quan để làm cơ sở cho việc xem xét về tình hình thực hiện định mức giờ NCKH (đối với giảng viên) và xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Học viện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Lưu: QLKH-HT (2 bản);

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC
P.TRƯỞNG PHÒNG



Võ Xuân Hoài

Bảng tổng hợp giờ NCKH của Giảng viên năm học 2018 - 2019

Đơn vị	TT	Họ và tên	Giờ Đề tài	Giờ bài báo	Giờ bài hội thảo	Giờ Giáo trình-Tài liệu	Giờ NC khác	Tổng thực hiện 2018-2019	Giờ được chuyển sang	Giờ định mức NCKH*	Chênh lệch	Ghi chú
Ban Giám đốc	1	GD - Đào Văn Hùng	750	0	0	0	0	750	0	90	660	PGS-GVCC
	2	PGĐ - Tr.Trọng Nguyên	900	568	0	0	400	1.868	60	120	1.808	PGS-GVCC
	3	PGĐ - Ng. Thế Vinh	625	0	200	0	0	825	225	450	600	GVC-TK
Khoa Kinh tế Phát triển	4	Lê Huy Đoàn	600	0	0	0	1.000	1.600	188	375	1.413	PTK-PTK
	5	Bùi Hoàng Mai	233	0	0	0	160	393	213	425	181	CVHT
	6	Trần Thị Trúc	43	0	0	0	1.000	1.043	213	425	831	CVHT
	7	Tô Trọng Hùng	145	0	0	0	105	250	0	250	-	
	8	Ng. T. Bích phương	83	0	300	0	0	383	213	425	171	CVHT
	9	Phan Lê nga	68	500	0	0	0	568	213	425	356	CVHT
	10	Nguyễn Thành Đô	43	500	0	0	0	543	175	425	293	CVHT
Khoa Cơ bản	11	Ngô Minh Thuận	500	200	0	0	250	950	225	450	725	GVC-PTBM
	12	Đào Văn Mừng	0	500	0	0	250	750	50	600	200	GVC
	13	Vũ Thị Thái Hà	300	0	0	0	200	500	250	500	250	GV
	14	Nguyễn Thị Thanh Nga	0	400	0	0	250	650	250	500	400	GV
	15	Vũ Thị Minh Tâm	200		600		250	1.050	250	500	800	GV
	16	Đỗ Thị Hoa	200	0	0	889	0	1.239	187	188	1.088	PBM,TS
	17	Nguyễn Thị Hồng Mến	60	300		333	0	693	110	500	303	GV
	18	Phạm Thị Diệu Linh	60	0	0	666	50	776	188	375	589	GV
	19	Đỗ Thị Thanh Hà	60	0	0	333	150	543	35	425	153	CTCĐK
	20	Phạm Thị Hồng Liên	60	0	0	334	50	444	10	250	204	GV -TS

Đơn vị	TT	Họ và tên	Giờ Đề tài	Giờ bài báo	Giờ bài hội thảo	Giờ Giáo trình-Tài liệu	Giờ NC khác	Tổng thực hiện 2018-2019	Giờ được chuyển sang	Giờ định mức NCKH*	Chênh lệch	Ghi chú
	21	Bùi T.Thanh Mai	60	0	0	222	250	532	0	500	32	CVCLBTA
	22	Cao Thu Hằng	500	0	0	222	0	722	0	500	222	CVCLBTA
	23	NG. MÃ LƯƠNG	0	0	0	0	0	0	0	375	-	GV-Tr.BM
	24	LÊ VĂN TUẤN	0	0	0	0	0	0	0	500	-	GV
	25	NGÔ HỮU MẠNH	0	0	0	0	0	0	0	500	-	GV
	26	ĐẶNG THỊ PHÁN	0	0	0	0	0	0	0	500	-	GV
Khoa Chính sách công	27	Ngô Phúc Hạnh	1.500	560	600	0	0	2.660	225	450	2.435	PGS-PTK
	28	Nguyễn Nam Hải	100	500	0	0	0	600	180	360	420	GVC .T.Tra
	29	Nguyễn Thị Thu	133	183	0	222	0	538	150	300	388	GV-TBNC
	30	Vũ Thị Tâm	333	0	0	0	0	333	213	425	121	CVHT
	31	Phùng Thế Đông	500	3.900	150	1.400	300	6.250	213	425	6.038	CVHT
Khoa Luật kinh tế	32	Nguyễn Như Hà	0	0	0	0	0	0	0	-	-	Mới về
	33	Lưu Thị Tuyết	0	600	0	0	0	600	200	400	400	PTBM
	34	Nguyễn Tiến Đạt	0	300	600	0	0	900	250	500	650	GV
	35	Đặng Minh Phương	0	600	0	0	0	600	250	250	600	GV - TS
Khoa Kinh tế quốc tế	36	Bùi Thúy Vân	386	150	0	0	0	536	188	375	349	TRK
	37	Trịnh Tùng	42	0	0	500	0	542	240	480	302	GVC-PTK
	38	Phạm Thị Quỳnh Liên	492	0	0	0	0	492	105	425	172	CVHT
	39	Đặng Thị Kim Dung	78	500	0	0	0	578	0	425	153	CVHT
	40	Phan Thị Thanh Huyền	36	250	0	0	0	286	133	333	86	CVHT.TS
	41	Bùi Quý Thuấn	176	500	400	0	0	1.076	213	425	864	CVHT
	42	Đào Hồng Quyên	78	1.000	0	0	0	1.078	104	425	757	CVHT

Đơn vị	TT	Họ và tên	Giờ Đề tài	Giờ bài báo	Giờ bài hội thảo	Giờ Giáo trình-Tài liệu	Giờ NC khác	Tổng thực hiện 2018-2019	Giờ được chuyển sang	Giờ định mức NCKH*	Chênh lệch	Ghi chú
Khoa Quản trị kinh doanh	43	Vũ Thị Minh Luận	250	0	200	0	515	965	225	450	740	GVC-TRK
	44	Vũ Đình Hòa	100	0	660	0	340	1.100	240	480	860	GVC - PTK
	45	ĐẶNG. T. Q. TRANG	160	0	0	0	105	265	58	425	- 102	CVHT
Viện Đào tạo Quốc tế	46	Đào Hoàng Tuấn	534	500	0	667	610	2.311	188	375	1.914	V.Trưởng
	47	Ph.M.Hằng Phương	130	2.867	400	267	175	3.676	213	425	3.464	P.Tr BM
	48	Phạm Ngọc Trụ	367	0	0	267	310	1.194	200	400	994	GV - Tr Ban
	49	Hoàng Kim Thu	100	300	100	0	205	705	0	425	280	CVHT
	50	Ng.T.Thùy Linh	234	250	0	267	250	1.001	0	425	576	CVHT
	51	Đoàn Anh Tuấn	0	400	0	0	105	505	59	425	139	CVHT
	52	Đặng Thùy Nhung	75	0	400	0	0	475	0	213	262	CVHT
	53	Phạm Hoàng Cường	250	0	0	0	210	460	153	425	188	CVHT
	54	NG.TRỌNG NGHĨA	0	0	0	0	0	0	0	500	-	GV
Khoa Tài Chính Đầu tư	55	Nguyễn Thạc Hoát	700	1.000	0	0	0	1.700	188	375	1.513	TR.K
	56	Trần Hoàng Minh	0	250	0	0	0	250	0	250	-	Mới về(1/2)
	57	Vũ Thị Nhài	0	0	0	100	500	600	250	500	350	GV
	58	Mai Thị Hoa	100	1.000	400	0	0	1.500	192	425	1.267	CVHT
	59	Đỗ Thanh Hương	25	0	400	0	0	425	0	425	-	CVHT
	60	Phạm Huyền Trang	27	400	0	0	0	427	0	425	2	CVHT
	61	Ng.T. Phương Thanh	0	250	0	0	0	250	0	250	-	CVHT
	62	Đàm Thanh Tú	0	0	0	0	0	0	0	-	-	Mới về
	63	Nguyễn Văn Tuấn	500	500	0	0	0	1.000	38	400	638	P.Tr BM
	64	Bùi Đức Dương	150	0	0	0	350	500	0	500	-	GV
	65	Đỗ Thế Dương	0	800	0	0	0	800	0	500	300	GV
	66	Ng.T.Hồng Nhâm	300	1.800	1.200	0	0	3.300	250	500	3.050	GV

Đơn vị	TT	Họ và tên	Giờ Đề tài	Giờ bài báo	Giờ bài hội thảo	Giờ Giáo trình-Tài liệu	Giờ NC khác	Tổng thực hiện 2018-2019	Giờ được chuyển sang	Giờ định mức NCKH*	Chênh lệch	Ghi chú
Khoa Kinh tế	67	Tr. T. Hương Trà	200	0	0	0	350	550	10	500	60	GV
	68	Nguyễn Phương Lan	500	0	0	0	0	500	37	500	37	GV
	69	Mai Văn Sáu	0	650	0	0	75	938	213	425	513	CVHT
	70	Nguyễn Việt Hưng	200	0	0		30	230	0	181	49	T. Sự -CVHT
	71	NGUYỄN DUY ĐỒNG	0	0	0	0	0	0	0	500	-	GV
	72	Nguyễn Thanh Bình	250	0	800	0	405		205	450	1.210	GVC-PTK
	73	Trần Thị Ninh	400	0	0	0	0	400	25	425	-	CVHT
Khối phòng ban	74	Nguyễn Thế Hùng	350	0	0	0	300	650	63	125	588	Tr.P
	75	Nguyễn Thị Đông	0	450	0	267	0	717	75	150	642	P.Tr.P
	76	Nguyễn Tiến Hùng	0	600	300	0	0	900	75	150	825	GVC -Tr.P
	77	LÊ CÔNG THÀNH	0	0	0	0	0	0	0	150	-	P.Tr.P

Ngày 30 Tháng 8 năm 2019

P.TR. PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC



Võ Xuân Hoài

*Các giảng viên 2 năm liền không hoàn thành ĐM giờ NCKH (NG.V.A-Chữ in hoa)

**Các cán bộ, giảng viên không thực hiện đủ định mức giờ nghiên cứu khoa học được in đậm, nghiêng, đánh dấu đỏ

***Giờ định mức NCKH của Giảng viên = 500 giờ, của Giảng viên chính và PGS = 600 giờ, của Giảng viên cao cấp và GS = 700 giờ;

****GV được chuyển số giờ vượt ĐM của năm trước sang năm nay. Số giờ chuyển không quá 50% ĐM phải thực hiện trong năm 2018/2019

*****Số giờ nghiên cứu khoa học còn thừa của năm học 2017-2018 chỉ được tính cho năm học 2018-2019

***** Chú thích: TK=Tr. Khoa;P.TK=P.T.Khoa;TR.BM=Tr.Bộ môn;CVHT=Cổ vấn HT;TS=Thai sản; TV=T.Việc

CTCĐ= C.T.C. đoàn;TBTTND,TBNC,Nữ công;GVC=GV.chính; GVCC= GV.cao cấp